

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN**

---***---

Bản án số: 51/2019/HSST

Ngày: 05/6/2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HUNG YÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Tân**.

* Hội thẩm nhân dân: - Ông **Trần Xuân Hòa**.

- Bà **Đặng Thị Thêm**.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu: Bà **Lê Thị Chung** - KSV.

* Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Ngọc M**, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 02/10; Nghề nghiệp: lao động tự do; Con ông: Lê Mạnh B, sinh năm 1939 và con bà: Lê Thị H, sinh năm 1943; bị cáo có 03 anh chị em ruột, bị cáo là con lớn; Vợ: Lê Thị K, sinh năm 1972; Con: có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1995.

Tiền án, tiền sự: Chưa

Nhân thân: Tại bản án số 48 ngày 23/9/1999 M bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài Sản hội chủ nghĩa.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/3/2019 tại trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên (có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Bà Lê Thị A, sinh năm 1963.(có mặt)

Trú tại: Thôn T, xã V, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1967.(vắng mặt)

Trú tại: Thôn T, xã V, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 15/3/2019, Lê Ngọc M đi bộ quanh khu vực thôn T, xã V, huyện Khoái Châu nhằm mục đích xem nhà ai sơ hở thì sẽ trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu sài cá nhân. Khi M đi qua nhà bà Lê Thị A sinh năm 1963 ở thôn T, xã V thì thấy cổng nhà bà A mở, cửa nhà bà A không khóa, M quan sát xung quanh không có người qua lại nên đã nảy sinh ý định sẽ vào nhà bà A để trộm cắp tài sản. M đi vào trong nhà bà A thì thấy mẹ của bà A là cụ Lê Thị L sinh năm 1928 đang nằm ngủ ở gian phòng khách, M tiếp tục đi vào gian buồng phía trong thì nhìn thấy 01 chiếc tủ có hai cánh, loại tủ nhôm, trên cánh tủ bên trái vẫn cắm chìa khóa nên M mở tủ ra thì thấy trong tủ có nhiều quần áo, M tiếp tục lục lọi và tìm kiếm tiền và tài sản thì phát hiện có 01 chiếc ví màu vàng loại ví có khóa và nút bấm bên ngoài. M cầm lên và mở ra thì thấy bên trong có số tiền 4.300.000đồng gồm các tờ tiền mệnh giá 500.000đồng, 200.000đồng và 20.000đồng. M cầm hết số tiền trên cho vào túi quần phía trước đang mặc. Sau đó M nhẹ nhàng đi ra khỏi nhà bà A và khép cửa cổng lại. M đi bộ đến nhà anh Nguyễn Ngọc P sinh năm 1967 (tên gọi khác là Ba) cùng ở thôn T, xã V. M đưa cho P số tiền 500.000 đồng, từ số tiền mà M vừa trộm cắp được bảo P đi mua ma túy để cả hai cùng sử dụng thì P đồng ý. P cầm số tiền trên rồi điều khiển xe mô tô của P đến khu vực xã Việt Hòa, P hỏi mua ma túy của một người lạ mặt khoảng 30 tuổi, đội mũ, đeo khẩu trang thì được người này đưa cho 01 gói ma túy (P Ki là heroin) với giá 500.000đồng. Sau khi mua được ma túy P quay về gặp M và cả hai đã cùng nhau sử dụng hết.

Cùng ngày bà A về nhà và phát hiện bị mất tài sản nên đã có đơn trình báo công an. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác M, lấy lời Khai người làm chứng là bà Nguyễn Thị I sinh năm 1951 (là hàng xóm của bà A) đã chính mắt nhìn thấy M đi vào khu vực nhà bà A. Cơ quan cảnh sát điều tra đã triệu tập M để làm việc, M thừa nhận đã trộm cắp số tiền 4.300.000đồng của bà A và tự nguyện giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra số tiền còn lại là 3.800.000đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Ngọc M.

Tại bản cáo trạng số 54/QĐ-VKS-KC ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố bị cáo Lê Ngọc M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo Lê Ngọc M có mặt và Ki nhận toàn bộ hành vi phạm tội như tại cơ quan điều tra và xin giảm nhẹ hình phạt, tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền 500.00 đồng cho bà A, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc bồi thường thiệt hại của bị cáo cho người bị hại đã thực hiện xong.

Người bị hại: Bà Lê Thị A có mặt khai nhận bị mất 4.300.000đ và đã trình báo với các cơ quan có thẩm quyền, trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu hồi của bị cáo trả lại bà số tiền 3.800.000 đồng tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã xin gia đình số tiền còn lại là 500.000 đồng trả lại cho bà bà đã nhận đủ số tiền bị mất bà không có đề nghị gì thêm về phân trách nhiệm dân sự, về trách nhiệm hình sự bà đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo: Lê Ngọc M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo M từ 01 (một) năm đến 01(một) năm 03 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo đã bồi thường số tiền còn lại cho người bị hại, người bị hại đã nhận đủ không có yêu cầu gì thêm đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận về trách nhiệm dân sự đã thực hiện xong.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ chứng cứ, tài liệu điều tra đã được thẩm tra công Ki, kết quả tranh luận, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo tại phiên tòa.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét lời Ki của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay, hoàn toàn phù hợp với lời Ki của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời Ki của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra công Ki tại phiên tòa và đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian 14 giờ ngày 15/3/2019 tại nhà ở của bà Lê Thị A , bị cáo Lê Ngọc M đã có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 4.300.000 đồng của gia đình bà Lê Thị A sinh năm 1963 ở thôn T, xã V, huyện Khoái Châu. Hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu truy tố bị cáo Lê Ngọc M về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội, không oan sai.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy: Bản thân bị cáo là người có sức khỏe nhưng lười lao động, không chịu rèn luyện bản thân, muốn kiếm tiền một cách nhanh chóng nên sử dụng hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức rõ được hành vi của mình nhưng cố ý phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội gây ảnh hưởng đến trật tự an ninh ở địa phương, gây tâm lý Hg mang cho mọi người, bị cáo đã từng bị xét xử về tội trộm cắp tài sản. Do đó, cần phải được xử lý nghiêm M buộc bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và nhằm răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét đến nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định một hình phạt phù hợp với bị cáo:

Nhân thân của bị cáo:

Tại bản án hình sự số 48 ngày 23/9/1999 bị cáo M bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài Xã hội chủ nghĩa”.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải, tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả cho chủ sở hữu thiệt hại là không lớn, tại phiên tòa bị cáo đã tự nguyện khắc phục số tiền còn lại cho người bị hại do vậy Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng.

Về hình phạt bổ sung: Nghề nghiệp chính của bị cáo là lao động tự do, thu nhập thấp, không ổn định, bản thân nghiện ma túy. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo đã bồi thường số tiền còn thiếu là 500.000đ cho người bị hại, người bị hại nhận đủ số tiền bị mất và không có yêu cầu gì thêm do đó phần trách nhiệm dân sự đã thực hiện xong nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với Nguyễn Ngọc P đã cầm số tiền 500.000 đồng M đưa để đi mua ma túy, P không biết số tiền đó là do M trộm cắp mà có. P không biết tên, địa chỉ người bán ma túy, do đó không có cơ sở xác M xử lý đối với người bán ma túy cho P. Cơ quan điều tra đã tiếp tục triệu tập P để xác M làm rõ thêm nhưng hiện nay P vắng mặt tại địa phương nên chưa có căn cứ để xử lý đối với P. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục triệu tập P để xác M, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: Bị cáo Lê Ngọc M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc M 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 15/3/2019.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo bị cáo Lê Ngọc M đã bồi thường cho bà Lê Thị A số tiền là 500.000 đồng tại phiên tòa, trách nhiệm dân sự đã thực hiện xong.

Về án phí: Bị cáo Lê Ngọc M phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo, bị hại, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho bị cáo, bị hại biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết nơi người vắng mặt cư trú./.

Nơi nhận :

- VKSND H Khoái Châu.
- VKSND tỉnh Hưng Yên.
- CA huyện Khoái Châu.
- Bị cáo.
- Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.
- UBND xã V.
- Lưu hồ sơ.
- VKSND Tỉnh Hưng Yên.
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Hưng Yên.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Tân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN
SỐ: 46/ BBNA

--***--

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khoái Châu, ngày 30 tháng 8 năm 2018.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Bùi Văn Tân**.

Hội thẩm nhân dân: - Ông **Trần Xuân Hòa**.

- Bà **Đặng Thị Thêm**.

Căn cứ vào điều 299 và điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Vào hồi 09 giờ 15 phút ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự thụ lý số: 46/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2018, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 138 BLHS, đối với bị cáo Nguyễn Như Cường.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo cùng những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà. Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề giải quyết trong vụ án như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Như Cường phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Biểu quyết : 3/3

Áp dụng: Các điểm a, khoản 1 Điều 173;; điểm a khoản 1 Điều 47, các điểm s, h, Khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 329 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết : 3/3

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Như Cường 09 (chín) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/5/2018.

Tạm giam bị cáo: Nguyễn Như Cường 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

Biểu quyết : 3/3

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Biểu quyết : 3/3

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bể bằng ống nhựa. (Tình trạng vật chứng như Quyết định chuyển vật chứng số 38/QĐ-VKS-KC ngày 23/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu).

Biểu quyết : 3/3

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Như Cường phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Biểu quyết : 3/3

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công Ki, có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại, báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết nơi người vắng mặt cư trú.

Biểu quyết : 3/3

Biên bản lập xong vào hồi 09 giờ 20 phút cùng ngày, biên bản đã được đọc lại để các thành viên trong HĐXX cùng nghe và nhất trí ký tên ./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ